

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị từ trung ương tới địa phương và Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, cơ quan trung ương thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân các cấp (sau đây gọi là bộ, cơ quan trung ương, địa phương), cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động trực tiếp hoặc có liên quan đến kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu và Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Kiểm toán dữ liệu là quá trình đánh giá một cách hệ thống, độc lập và khách quan đối với dữ liệu và hoạt động quản lý, khai thác dữ liệu nhằm bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, hợp pháp, bảo mật và khả năng truy xuất

của dữ liệu trong toàn bộ vòng đời dữ liệu bảo đảm phù hợp, tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung.

2. Từ điển dữ liệu dùng chung là hệ thống tài liệu và công cụ kỹ thuật định nghĩa thống nhất tên gọi, mô tả, định dạng, đơn vị tính, mối liên kết và cách sử dụng của các trường dữ liệu được sử dụng phổ biến giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm bảo đảm kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

3. Dữ liệu chủ quốc gia là dữ liệu chủ được kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Dữ liệu chủ chuyên ngành là dữ liệu chủ được kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng trong phạm vi nội bộ của cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

5. Kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc là việc thiết lập kết nối kỹ thuật bắt buộc giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong hệ thống chính trị nhằm chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu đã được phân quyền theo quy định, không phụ thuộc vào thỏa thuận riêng giữa các cơ quan, tổ chức.

6. Mã khóa định danh (data key) là những điểm dữ liệu đặc biệt giúp định danh chính xác một đối tượng cụ thể, chuẩn hóa cơ chế chống trùng lặp; được chuẩn hóa định dạng, mã hóa, mô tả và phân loại thống nhất; bảo đảm khả năng mở rộng, tích hợp, liên thông; được cập nhật định kỳ và kiểm soát chất lượng theo quy trình quản trị dữ liệu chủ.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng mục đích; bảo đảm an toàn, bảo mật và đúng phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phục vụ hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ công, quản trị, điều hành và khai thác giá trị của dữ liệu.

2. Tất cả hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc đều phải thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu để thực hiện việc giám sát, truy vết và đánh giá hiệu quả.

3. Việc chia sẻ được thực hiện theo danh mục cơ sở dữ liệu bắt buộc, danh mục dữ liệu bắt buộc, tiêu chuẩn kỹ thuật và cơ chế do cơ quan có thẩm quyền quy định, bảo đảm thống nhất, hiệu quả và an toàn trong toàn hệ thống.

4. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ đầy đủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

5. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải công bố thông tin về dữ liệu đang quản lý gồm thông tin mô tả dữ liệu, phạm vi dữ liệu, chất lượng dữ liệu, cơ quan quản lý và các điều kiện tiếp cận dữ liệu trên môi trường mạng.

6. Việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan, không được xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trừ trường hợp luật có quy định khác.

7. Dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật.

8. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu khác giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật về giao dịch điện tử.

Chương II

KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU BẮT BUỘC GIỮA CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ BẢO ĐẢM KHẢ NĂNG SẴN SÀNG KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 5. Dữ liệu chủ quốc gia

1. Việc tích hợp, đồng bộ và sử dụng dữ liệu chủ quốc gia là bắt buộc đối với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị khi xây dựng, cập nhật hoặc vận hành cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin.

2. Nguồn của dữ liệu chủ quốc gia được thiết lập hoặc khởi tạo trên nguyên tắc nguồn dữ liệu tin cậy duy nhất. Một dữ liệu chỉ có một nguồn tin cậy duy nhất.

3. Dữ liệu chủ được thiết lập hoặc khởi tạo từ bộ mã khóa định danh. Bộ trưởng Bộ Công an công bố danh mục dữ liệu chủ quốc gia trên hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung trên cơ sở thống nhất với các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

4. Bộ Công an cấp mã khóa định danh dữ liệu chủ và xây dựng, quản lý, vận hành và cập nhật danh mục dữ liệu chủ quốc gia, bảo đảm tính chính xác, nhất quán và liên thông kỹ thuật.

Điều 6. Dữ liệu chủ chuyên ngành

1. Các bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm xác định, công bố, cập nhật bộ dữ liệu chủ chuyên ngành của mình và tích hợp vào Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung.

2. Dữ liệu chủ chuyên ngành phải bảo đảm tuân thủ nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này và có khả năng mở rộng, tích hợp, liên thông, truy xuất với dữ liệu chủ quốc gia.

3. Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra, giám sát việc xây dựng, cập nhật và sử dụng dữ liệu chủ chuyên ngành nhằm bảo đảm tính thống nhất và khả năng tích hợp, truy xuất dữ liệu trên toàn hệ thống.

Điều 7. Phương thức kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu bắt buộc

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ sở dữ liệu được thực hiện thống nhất, đồng bộ, tuân thủ theo Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

2. Phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc

a) Hệ thống thông tin của cơ quan sử dụng, khai thác dữ liệu kết nối với hệ thống thông tin của cơ quan chia sẻ dữ liệu để truy vấn dữ liệu thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu. Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu thực hiện xác thực và phân quyền trao đổi dữ liệu giữa 2 bên. (Kết nối chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu);

b) Hệ thống thông tin của cơ quan chia sẻ dữ liệu đồng bộ một phần hoặc toàn bộ dữ liệu của mình sang hệ thống thông tin của cơ quan sử dụng, khai thác dữ liệu thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu;

c) Hệ thống thông tin của cơ quan chia sẻ dữ liệu đồng bộ dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu để thực hiện điều phối cho cơ quan sử dụng, khai thác dữ liệu;

d) Chia sẻ dữ liệu được đóng gói và lưu giữ trên các phương tiện lưu trữ thông tin.

3. Máy chủ bảo mật điểm kết nối (Agent Node) là thành phần của Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu có chức năng bảo mật điểm kết nối phục vụ trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, gồm:

a) Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện kết nối trực tiếp với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu thông qua Agent Node đặt tại bộ, cơ quan trung ương, địa phương;

b) Các nền tảng chia sẻ dữ liệu cấp bộ, cơ quan trung ương, địa phương kết nối trực tiếp với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu thông qua Agent Node đặt tại bộ, cơ quan trung ương, địa phương;

c) Các hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu, các cơ sở dữ liệu khác của bộ ngành địa phương kết nối trực tiếp với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu thông qua Agent Node đặt tại bộ, ngành, địa phương;

d) Agent Node thực hiện kết nối với Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu đặt tại bộ, ngành, địa phương do Trung tâm Dữ liệu quốc gia thiết lập, cấu hình, cài đặt.

Điều 8. Danh mục cơ sở dữ liệu bắt buộc kết nối, chia sẻ

1. Các cơ sở dữ liệu quốc gia bắt buộc phải kết nối, đồng bộ, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong hệ thống chính trị tuân thủ theo quy định pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật khác có liên quan.

2. Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm ưu tiên triển khai tại Phụ lục I bắt buộc kết nối, đồng bộ, chia sẻ phục vụ việc khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung.

3. Cơ sở dữ liệu thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị bắt buộc kết nối, chia sẻ theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bộ Công an thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kết quả kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu vào hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung.

Điều 9. Dữ liệu bắt buộc kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng

1. Tất cả dữ liệu chủ, dữ liệu dùng chung của các cơ sở dữ liệu thuộc các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và các dữ liệu khác quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Dữ liệu phải kết nối, chia sẻ, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để Bộ Công an thực hiện điều phối cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

2. Dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương phải kết nối, chia sẻ, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia để Bộ Công an thực hiện điều phối cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

3. Dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về cơ yếu.

Điều 10. Bảo đảm hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu thực hiện điều phối, tích hợp, kiểm soát luồng dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong toàn hệ thống chính trị trên môi trường số, bảo đảm kết nối thống nhất, thông suốt, an toàn và hiệu quả.

2. Dữ liệu thuộc danh mục kết nối, chia sẻ bắt buộc phải được thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, trừ trường hợp kết nối trực tiếp giữa hai cơ quan thì phải thống nhất với Bộ Công an.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định sau:

a) Chủ quản hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình;

b) Cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

Điều 11. Dữ liệu kết nối, chia sẻ giữa Việt Nam và các quốc gia, đối tác quốc tế

1. Dữ liệu kết nối, chia sẻ giữa Việt Nam và các quốc gia, đối tác quốc tế bao gồm những dữ liệu có tính liên quốc gia, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận hợp tác song phương, đa phương, và các mục tiêu phát triển bền vững.

2. Việc chia sẻ dữ liệu xuyên biên giới phải đáp ứng các nguyên tắc:

a) Tuân thủ quy định pháp luật về dữ liệu, an toàn thông tin mạng và bảo vệ chủ quyền quốc gia;

b) Bảo đảm kiểm soát truy cập, phân quyền sử dụng, ghi nhật ký và bảo mật trong toàn bộ quá trình chia sẻ.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khi thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu xuyên biên giới phải thực hiện cập nhật kết quả trên Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung; trường hợp chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

Điều 12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương

1. Người đứng đầu của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có trách nhiệm chỉ đạo quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an bảo đảm phù hợp, tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung.

2. Đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý;

b) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ, tham mưu người đứng đầu giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu;

c) Báo cáo kết quả trên hệ thống quản lý nhà nước về dữ liệu do Bộ Công an xây dựng.

Điều 13. Giám sát hoạt động xử lý dữ liệu

1. Nguyên tắc giám sát hoạt động xử lý dữ liệu:

- a) Hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị phải được giám sát liên tục, công khai và có truy vết;
- b) Việc giám sát được thực hiện thông qua hệ thống kỹ thuật và cơ chế quản lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;
- c) Việc xử lý vi phạm phải bảo đảm khách quan, minh bạch, đúng thẩm quyền và tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm.

2. Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ chuẩn kết nối, tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn thông tin và tiến độ kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng đối với dữ liệu bắt buộc, việc tuân thủ các quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin, pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; vận hành hệ thống kỹ thuật giám sát việc kết nối, chia sẻ dữ liệu; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Quốc phòng có trách nhiệm thực hiện việc giám sát hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc phối hợp với Bộ Công an thực hiện.

4. Kết quả đánh giá mức độ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu là căn cứ xếp hạng mức độ hoàn thành nhiệm vụ về chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ số của từng cơ quan và được công bố, cập nhật định kỳ trên Cổng dữ liệu quốc gia và gửi đến các cơ quan liên quan.

Điều 14. Kiểm toán dữ liệu

1. Kiểm toán dữ liệu được thực hiện nhằm phát hiện sai lệch, trùng lặp, thiếu hụt hoặc lỗi kỹ thuật trong dữ liệu; đánh giá mức độ tuân thủ quy định pháp luật, chuẩn kỹ thuật và khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; xây dựng phương án xử lý, cải thiện chất lượng và nâng cao hiệu quả quản trị dữ liệu.

2. Việc kiểm toán dữ liệu bao gồm: Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của dữ liệu; đánh giá khả năng chia sẻ, liên thông và sử dụng lại dữ liệu; kiểm tra tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành; đánh giá quy trình kiểm soát truy cập, bảo vệ và sao lưu dữ liệu.

3. Các hoạt động quản trị dữ liệu theo quy định của Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia đều phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm toán dữ liệu.

4. Bộ Công an là cơ quan chủ trì thực hiện hoạt động kiểm toán dữ liệu định kỳ, đột xuất đối với dữ liệu của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương. Trừ việc kiểm toán dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

5. Kết quả kiểm toán dữ liệu là một trong các tiêu chí đánh giá mức độ trưởng thành dữ liệu và hiệu quả quản trị dữ liệu của từng cơ quan, tổ chức bao gồm kiểm toán tuân thủ, kiểm toán chất lượng dữ liệu và kiểm toán năng lực quản trị dữ liệu.

Điều 15. Xếp hạng cơ sở dữ liệu

1. Việc xếp hạng các cơ sở dữ liệu được thực hiện định kỳ hàng năm.
2. Tiêu chí xếp hạng cơ sở dữ liệu gồm:
 - a) Tỷ lệ dữ liệu thuộc danh mục bắt buộc đã kết nối, chia sẻ đúng quy định và đúng hạn;
 - b) Mức độ sử dụng dữ liệu trong nội bộ và chia sẻ dữ liệu cho bên thứ ba có thẩm quyền;
 - c) Tỷ lệ dịch vụ công sử dụng dữ liệu dùng chung, mức độ tự động hóa và tái sử dụng dữ liệu;
 - d) Chất lượng dữ liệu (đầy đủ, chính xác, cập nhật, chuẩn hóa theo Từ điển dữ liệu dùng chung);
 - đ) Mức độ tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền dữ liệu;
 - e) Hiệu quả vận hành kỹ thuật và khả năng giám sát, cảnh báo tự động về hoạt động chia sẻ dữ liệu;
 - g) Kết quả kiểm toán dữ liệu;
 - h) Giá trị của dữ liệu được khai thác, sử dụng.
3. Việc phân loại các cơ sở dữ liệu được thực hiện theo 03 loại sau:
 - a) Loại A (Xuất sắc): Đáp ứng các tiêu chí và hoàn thành vượt mức các chỉ số đánh giá;
 - b) Loại B (Đạt yêu cầu): Đáp ứng các tiêu chí và hoàn thành các chỉ số đánh giá;
 - c) Loại C (Không đạt yêu cầu): Không đáp ứng các tiêu chí hoặc không hoàn thành các chỉ số đánh giá.

4. Kết quả xếp hạng là một trong những tiêu chí làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công, ngân sách nhà nước, chương trình hỗ trợ kỹ thuật và phục vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện nhiệm vụ về dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Căn cứ vào mức xếp hạng quy định tại khoản 3 Điều này để xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và thành tích thi đua khen thưởng đối với tập thể và cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị liên quan.

6. Bộ Công an xây dựng và ban hành Bộ chỉ số xếp hạng kết nối, chia sẻ dữ liệu; tổ chức đánh giá độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan đánh giá việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và công bố kết quả đánh giá và xếp hạng hằng năm trên Cổng dữ liệu quốc gia đối với các cơ sở dữ liệu tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện đánh giá việc kết nối, chia sẻ dữ liệu dựa trên Bộ chỉ số xếp hạng kết nối, chia sẻ dữ liệu do Bộ Công an ban hành và công bố kết quả đánh giá xếp hạng các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, trừ các cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 16. Chi phí chia sẻ, sử dụng dữ liệu

1. Việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu thuộc bộ, cơ quan trung ương, địa phương nhằm phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước, giám sát, chỉ đạo điều hành, cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công không được thu phí dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp chia sẻ dữ liệu nhằm mục đích thương mại, khai thác giá trị gia tăng, cơ quan chủ quản dữ liệu có quyền đề xuất phương án tài chính, khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Chương III

KHUNG KIẾN TRÚC DỮ LIỆU QUỐC GIA, KHUNG QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ DỮ LIỆU QUỐC GIA, TỪ ĐIỂN DỮ LIỆU DÙNG CHUNG

Điều 17. Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia

1. Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia là hệ thống định hướng tổng thể về cấu trúc, phân tầng, tiêu chuẩn kỹ thuật và mô hình chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, địa phương và các hệ thống thông tin của các cơ quan trong hệ thống chính trị.

2. Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia bảo đảm việc kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu đồng bộ, thống nhất, không trùng lặp; hỗ trợ tích hợp hiệu quả giữa các tầng dữ liệu cốt lõi, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu mở; bảo đảm khả năng mở rộng, tương thích kỹ thuật, an toàn và bảo mật dữ liệu trong quá trình chia sẻ.

3. Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia bao gồm:

a) Tổng thể kiến trúc lớp dữ liệu nền tảng, gồm dữ liệu chủ, dữ liệu phân lớp, dữ liệu liên kết, dữ liệu phân tích, dữ liệu mở;

b) Mô hình hóa các tầng dữ liệu theo chức năng: lưu trữ, chia sẻ, khai thác và phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công;

c) Xác định các nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, kết nối dữ liệu giữa các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu cấp bộ, cơ quan trung ương, địa phương với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

4. Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia bảo đảm nguyên tắc thống nhất từ trung ương đến địa phương, bảo đảm dữ liệu được khai thác và sử dụng theo một khuôn khổ thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

Điều 18. Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia

1. Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia là hệ thống các nguyên tắc, cơ chế, quy trình và cấu trúc tổ chức để bảo đảm việc thu thập, lưu trữ, kết nối, chia sẻ, khai thác, mở và bảo vệ dữ liệu quốc gia được thực hiện thống nhất và hiệu quả.

2. Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia bao gồm:

a) Phân công trách nhiệm giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị;

b) Quy trình quản lý vòng đời dữ liệu;

c) Cơ chế phối hợp, chia sẻ và phân quyền khai thác dữ liệu;

d) Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo mật, an toàn và bảo vệ dữ liệu;

đ) Mô hình kiểm tra, giám sát, kiểm toán, đánh giá hiệu quả, an toàn và chất lượng dữ liệu.

3. Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia quy định về mô hình phân tầng, phân lớp quản trị, quản lý dữ liệu; các bộ phận chuyên trách về quản trị, quản lý dữ liệu theo mô hình phân tầng, phân lớp; các quy định, quy trình tuân thủ bảo đảm dữ liệu được thống nhất, liên thông giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

Điều 19. Từ điển dữ liệu dùng chung

1. Từ điển dữ liệu dùng chung bao gồm tập hợp các định nghĩa, cấu trúc dữ liệu, mô hình ngữ nghĩa và quy tắc chuẩn hóa dữ liệu.

2. Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung được xây dựng và cập nhật làm cơ sở kỹ thuật để các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác nhau có thể liên

thông, chia sẻ và sử dụng dữ liệu đồng bộ; chuẩn hóa thông tin hành chính, mã định danh, danh mục dữ liệu chuyên ngành và dữ liệu dùng chung; hỗ trợ kiểm soát chất lượng dữ liệu, ngăn ngừa xung đột ngữ nghĩa và trùng lặp dữ liệu trong quá trình kết nối.

3. Từ điển dữ liệu dùng chung quy định về mô hình tổng quan Hệ thống Từ điển, các bộ từ vựng dữ liệu cốt lõi, theo lĩnh vực, mô hình hoá hệ thống dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ giữa các hệ thống, cơ sở dữ liệu và tích hợp quốc tế.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Hướng dẫn hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

2. Điều phối thống nhất hoạt động quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, không trùng lặp và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

3. Giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các trường hợp không thực hiện hoặc trì hoãn kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì kiểm tra, đánh giá việc kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu bắt buộc, pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu; vận hành hệ thống kỹ thuật giám sát việc kết nối, chia sẻ dữ liệu.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu hằng năm, đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc xử lý các trường hợp vi phạm.

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an ban hành danh mục dữ liệu chủ chuyên ngành, danh mục dữ liệu mở, danh mục dữ liệu dùng chung (ngay từ giai đoạn thiết kế cơ sở), chiến lược dữ liệu, chiến lược chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý, khung quản trị, quản lý dữ liệu chi tiết, quy trình kỹ thuật về truy cập, truy xuất dữ liệu, lưu trữ dữ liệu.

2. Thực hiện rà soát, xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Phụ lục II Nghị định này.

3. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công an và các hệ thống thông tin liên quan theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai đồng bộ, bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu.

5. Thực hiện rà soát hiện trạng cơ sở dữ liệu, dịch vụ công đang quản lý, dịch vụ công đang cung cấp và hệ thống thông tin hiện hành để phối hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia triển khai thực hiện bảo đảm thống nhất.

6. Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, làm sạch, tái cấu trúc quy trình cung cấp dịch vụ công, kết nối, khai thác dữ liệu gắn với nhu cầu của các đơn vị.

7. Chủ quản hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trước và trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

8. Thực hiện sơ kết, tổng kết về hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và cập nhật kết quả thông qua Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung để Bộ Công an tổng hợp.

Điều 22. Trách nhiệm của Trung tâm Dữ liệu quốc gia

1. Xây dựng, quản lý, vận hành Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu, hỗ trợ kỹ thuật các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong việc triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc.

2. Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung, cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung. Xây dựng hệ thống để quản lý Khung Kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung. Hướng dẫn các cơ quan triển khai phù hợp theo từng cấp độ và lĩnh vực.

3. Phối hợp với các cơ quan chủ quản dữ liệu thực hiện chuẩn hóa, tích hợp, liên thông và bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc trong cơ quan hệ thống chính trị.

4. Hướng dẫn kỹ thuật kết nối, giám sát và kiểm tra định kỳ việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu; thường xuyên, định kỳ thực hiện cập nhật, nâng cấp máy chủ Agent Node, hệ thống Nền tảng chia sẻ, điều phối bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, tối ưu trong quá trình khai thác dữ liệu.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ chuẩn kết nối, tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn thông tin và tiến độ kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu bắt buộc, việc tuân thủ các quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin, pháp luật về dữ liệu đối với các đơn vị thực hiện kết nối trực tiếp thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; vận hành hệ thống kỹ thuật giám sát việc kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Đề xuất hình thức xử lý đối với các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

6. Tham mưu Lãnh đạo Bộ Công an xây dựng và ban hành Bộ chỉ số xếp hạng kết nối, chia sẻ dữ liệu; tổ chức đánh giá độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan đánh giá việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và công bố kết quả đánh giá và xếp hạng hàng năm trên Cổng dữ liệu quốc gia.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu như sau:

“1. Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia để áp dụng chung cho cơ quan nhà nước có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng Khung quản trị, quản lý dữ liệu chi tiết áp dụng đối với cơ sở dữ liệu do mình quản lý, bảo đảm phù hợp với Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia.”.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương phải thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, ban hành danh mục dữ liệu chủ chuyên ngành, danh mục dữ liệu mở, danh mục dữ liệu dùng chung theo Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung đối với các cơ sở dữ liệu quy định tại Phụ lục I Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Đối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã được chuẩn hóa theo quy định tại Nghị định này thì phải thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu. Đối với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin còn lại hoàn thành việc chuẩn hóa theo quy định tại Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

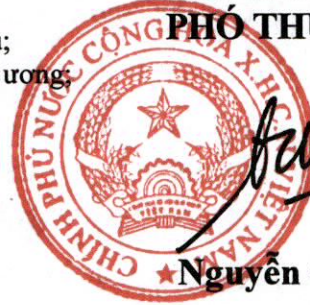
1. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Chí Dũng



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA, CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH TRONG ĐIỂM UỪ TIÊN TRIỂN KHAI BẮT BUỘC PHẢI KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)

TT	CƠ SỞ DỮ LIỆU	ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN DỮ LIỆU
1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính	Bộ Tài chính
3	Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	Cơ sở dữ liệu về Hộ tịch điện tử	Bộ Tư pháp
5	Cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế	Bộ Y tế
6	Cơ sở dữ liệu Hàng hóa	Bộ Công Thương
7	Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng	Bộ Xây dựng
8	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Kiểm soát tài sản, thu nhập	Thanh tra Chính phủ
9	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Xử lý vi phạm hành chính	Bộ Tư pháp
10	Cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11	Cơ sở dữ liệu quốc gia về An sinh xã hội	Bộ Nội vụ
12	Cơ sở dữ liệu tổ chức Đảng, đảng viên, cán bộ công chức, viên chức	Văn phòng Trung ương Đảng
13	Cơ sở dữ liệu về bản án, quyết định của Tòa án	Tòa án nhân dân tối cao

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU BẮT BUỘC PHẢI KẾT NỐI,
CHIA SẺ DỮ LIỆU TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP
ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Bộ/ngành	Tên Cơ sở dữ liệu
1	Bộ Công an	1. Cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe 2. Cơ sở dữ liệu nạn nhân bị mua bán 3. Cơ sở dữ liệu người cai nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy 4. Cơ sở dữ liệu về cư trú 5. Cơ sở dữ liệu Căn cước 6. Cơ sở dữ liệu đăng ký phương tiện 7. Cơ sở dữ liệu Địa chỉ số quốc gia 8. Cơ sở dữ liệu định danh điện tử 9. Cơ sở dữ liệu định danh điện tử tổ chức 10. Cơ sở dữ liệu dùng chung về con dấu và kinh doanh có điều kiện 11. Cơ sở dữ liệu Quản lý phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng 12. Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư 13. Cơ sở dữ liệu Quốc gia về xuất nhập cảnh 14. Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông 15. Cơ sở dữ liệu về phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn 16. Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính 17. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp 18. Cơ sở dữ liệu thi hành án hình sự tại cộng đồng 19. Cơ sở dữ liệu tái hòa nhập cộng đồng 20. Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam trong Công an nhân dân 21. Cơ sở dữ liệu quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về An ninh trật tự 22. Cơ sở dữ liệu quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
2	Bộ Công Thương	1. Cơ sở dữ liệu Hồ chứa thủy điện 2. Cơ sở dữ liệu Môi trường ngành Công Thương 3. Cơ sở dữ liệu Hệ thống cảnh báo sớm

		4. Cơ sở dữ liệu Kết quả điều tra thống kê ngành thương mại điện tử 5. Cơ sở dữ liệu Quản lý hoạt động thương mại điện tử 6. Cơ sở dữ liệu Xúc tiến thương mại 7. Cơ sở dữ liệu Hội chợ triển lãm 8. Cơ sở dữ liệu Quản lý khuyến mại 9. Cơ sở dữ liệu Bảo vệ người tiêu dùng 10. Cơ sở dữ liệu Quản lý bán hàng đa cấp 11. Cơ sở dữ liệu Hiệp định thương mại tự do 12. Cơ sở dữ liệu Thương mại Việt Nam (VNTR) 13. Cơ sở dữ liệu Thống kê ngành Công Thương 14. Cơ sở dữ liệu Kết quả điều tra thống kê quốc gia về năng lực sản xuất 15. Cơ sở dữ liệu Báo cáo thống kê ngành Công Thương 16. Cơ sở dữ liệu Quản lý các nhiệm vụ Khoa học công nghệ 17. Cơ sở dữ liệu Xuất nhập khẩu của Việt Nam với các đối tác quốc tế 18. Cơ sở dữ liệu Xuất nhập khẩu Trung Quốc 19. Cơ sở dữ liệu Quản lý và điều hành hoạt động xăng dầu quốc gia 20. Cơ sở dữ liệu Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm (Dataenergy.vn) 21. Cơ sở dữ liệu Cán bộ, công chức Bộ Công Thương 22. Cơ sở dữ liệu Hàng hóa 23. Cơ sở dữ liệu kinh tế công nghiệp và thương mại 24. Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính (INS) 25. Hệ thống Quản lý thông tin khách hàng (EVN)
3	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1. Cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số 2. Cơ sở dữ liệu về đào tạo, bồi dưỡng lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng 3. Cơ sở dữ liệu về kết quả khoa học, công nghệ lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng 4. Cơ sở dữ liệu về Tôn giáo 5. Xây dựng, số hóa Cơ sở dữ liệu về dân tộc, thành phần dân tộc các dân tộc Việt Nam 6. Cơ sở dữ liệu về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số

4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1. Cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp 2. Cơ sở dữ liệu về Giáo dục Đại học 3. Cơ sở dữ liệu về Giáo dục Mầm non - Phổ thông - Thường xuyên
5	Bộ Khoa học và Công nghệ	1. Cơ sở dữ liệu Cấp phép lĩnh vực Chứng thực điện tử 2. Cơ sở dữ liệu Cơ quan, doanh nghiệp bưu chính 3. Cơ sở dữ liệu Cơ quan, doanh nghiệp lĩnh vực viễn thông 4. Cơ sở dữ liệu Doanh thu dịch vụ viễn thông 5. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ 6. Cơ sở dữ liệu Tài nguyên viễn thông 7. Cơ sở dữ liệu Thống kê tốc độ truy cập Internet băng rộng cố định và băng rộng di động của các Doanh nghiệp và địa phương trên cả nước 8. Cơ sở dữ liệu Nhân lực khoa học và công nghệ 9. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng 10. Cơ sở dữ liệu công bố đơn về Sở hữu công nghiệp 11. Cơ sở dữ liệu về năng lượng nguyên tử 12. Cơ sở dữ liệu về quản lý thị trường Khoa học và công nghệ 13. Cơ sở dữ liệu về ứng dụng và phát triển công nghệ 14. Cơ sở dữ liệu về khoa học biển 15. Cơ sở dữ liệu về công nghệ sinh học 16. Cơ sở dữ liệu về an toàn bức xạ hạt nhân 17. Cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số 18. Cơ sở dữ liệu Nhiệm vụ khoa học và công nghệ 19. Cơ sở dữ liệu Tổ chức khoa học và công nghệ 20. Cơ sở dữ liệu về dược phẩm & mỹ phẩm (thuộc quản lý của Bộ KH-CN) 21. Cơ sở dữ liệu về công tác thanh tra - kiểm tra chuyên ngành 22. Cơ sở dữ liệu về phổ biến thông tin khoa học và công nghệ 23. Cơ sở dữ liệu về đối thoại doanh nghiệp 24. Cơ sở dữ liệu Thống kê khoa học và công nghệ 25. Cơ sở dữ liệu quản lý các đề án - chương trình khoa học và công nghệ quốc gia 26. Cơ sở dữ liệu Quyết toán tài chính

6	Bộ Ngoại Giao	1. Cơ sở dữ liệu về di cư 2. Cơ sở dữ liệu hợp pháp hóa lãnh sự 3. Cơ sở dữ liệu cấp thị thực ngoại giao 4. Cơ sở dữ liệu hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ 5. Cơ sở dữ liệu về công tác lễ tân đối ngoại.
7	Bộ Nội vụ	1. Cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân 2. Cơ sở dữ liệu giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp 3. Cơ sở dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công 4. Cơ sở dữ liệu người lao động 5. Cơ sở dữ liệu Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam 6. Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 7. Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức 8. Cơ sở dữ liệu tai nạn lao động 9. Cơ sở dữ liệu về Chính quyền địa phương và địa giới hành chính 10. Cơ sở dữ liệu về Hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ 11. Cơ sở dữ liệu liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ 12. Cơ sở dữ liệu về Tổ chức, bộ máy 13. Cơ sở dữ liệu quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức 14. Cơ sở dữ liệu về Nhân tài Việt Nam 15. Cơ sở dữ liệu thi đua - khen thưởng
8	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	1. Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia 2. Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia 3. Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase) 4. Cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản 5. Cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt 6. Cơ sở dữ liệu về giống cây trồng 7. Cơ sở dữ liệu về khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo 8. Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia 9. Cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường 10. Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia 11. Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo

		12. Cơ sở dữ liệu thuốc bảo vệ thực vật 13. Cơ sở dữ liệu Quản lý mã số vùng trồng 14. Cơ sở dữ liệu thức ăn chăn nuôi 15. Cơ sở dữ liệu về bố trí dân cư nông thôn 16. Cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường 17. Hệ thống quản lý và Cơ sở dữ liệu văn bản, hồ sơ, tài liệu 18. Cơ sở dữ liệu rừng
9	Bộ Tài chính	1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm 2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp 3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đấu thầu 4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công 5. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài 6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế 7. Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch 8. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia 9. Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã 10. Cơ sở dữ liệu về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 11. Cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính 12. Hệ thống Cấp mã số Bảo hiểm xã hội và Quản lý Bảo hiểm y tế hộ gia đình 13. Hệ thống giám định bảo hiểm y tế 14. Hệ thống quản lý thu và sổ thẻ (TST) 15. Hệ thống Xét duyệt chính sách (TCS) 16. Tiếp nhận và quản lý hồ sơ 17. Cơ sở dữ liệu Nợ công 18. Cơ sở dữ liệu Danh mục điện tử dùng chung ngành Tài chính 19. Cơ sở dữ liệu Hóa đơn, biên lai điện tử 20. Cơ sở dữ liệu về văn bản pháp luật (VBQPPL) 21. Cơ sở dữ liệu về giám sát, đánh giá đầu tư 22. Cơ sở dữ liệu về chương trình mục tiêu quốc gia
10	Bộ Tư pháp	1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử 2. Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự 3. Cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm 4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

		5. Cơ sở dữ liệu phổ biến, giáo dục pháp luật và hoà giải cơ sở 6. Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý 7. CSDL về biện pháp bảo đảm bằng động sản thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp 8. Cơ sở dữ liệu bồi thường nhà nước 9. Cơ sở dữ liệu quản lý thừa phát lại 10. Cơ sở dữ liệu công chứng 11. Cơ sở dữ liệu quản lý đấu giá tài sản 12. Cơ sở dữ liệu quản lý các chức danh bổ trợ tư pháp
11	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1. Cơ sở dữ liệu Cơ quan báo chí 2. Cơ sở dữ liệu Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan 3. Cơ sở dữ liệu Di sản văn hóa phi vật thể (hệ thống thông tin quản lý di sản văn hóa phi vật thể) 4. Cơ sở dữ liệu Hiện vật (Hệ thống thông tin quản lý hiện vật) 5. Cơ sở dữ liệu Phòng chống bạo lực gia đình 6. Cơ sở dữ liệu Sản phẩm quảng cáo 7. Cơ sở dữ liệu Thành tích thể thao 8. Cơ sở dữ liệu Văn bản và điều hành tác nghiệp 9. Cơ sở dữ liệu Tổ chức cán bộ 10. Cơ sở dữ liệu Thi đua khen thưởng 11. Cơ sở dữ liệu Khoa học và công nghệ 12. Cơ sở dữ liệu Hợp tác quốc tế 13. Cơ sở dữ liệu dùng chung về nguồn lực của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 14. Cơ sở dữ liệu dùng chung về hạ tầng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 15. Cơ sở dữ liệu dùng chung về hoạt động của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 16. Cơ sở dữ liệu dùng chung về tài nguyên văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 17. Cơ sở dữ liệu dùng chung về báo cáo, thống kê tổng hợp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 18. Cơ sở dữ liệu Văn hóa các dân tộc Việt Nam 19. Cơ sở dữ liệu Bảo tàng Việt Nam (Hệ thống thông tin quản lý bảo tàng) 20. Cơ sở dữ liệu Nguồn lực về quyền tác giả, quyền liên quan 21. Cơ sở dữ liệu Sản xuất phim

		22. Cơ sở dữ liệu Phát hành, phổ biến, lưu chiếu phim 23. Cơ sở dữ liệu Quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh 24. Cơ sở dữ liệu Hoạt động nghệ thuật biểu diễn 25. Cơ sở dữ liệu Di tích Việt Nam (Hệ thống thông tin quản lý di tích) 26. Cơ sở dữ liệu Cơ sở lưu trú du lịch 27. Cơ sở dữ liệu Hướng dẫn viên du lịch 28. Cơ sở dữ liệu Doanh nghiệp lữ hành 29. Cơ sở dữ liệu Khu du lịch, điểm du lịch Việt Nam 30. Cơ sở dữ liệu Hạ tầng cơ sở thể thao 31. Cơ sở dữ liệu Đăng cai sự kiện thể thao 32. Cơ sở dữ liệu Kế hoạch tài chính 33. Cơ sở dữ liệu Bảo vệ môi trường 34. Kho tài nguyên số nội sinh dùng chung Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 35. Kho dữ liệu điện tử dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính 36. Kho dữ liệu mở dùng chung Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 37. Kho dữ liệu phân tích tổng hợp phục vụ chỉ đạo điều hành
12	Bộ Xây dựng	1. Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị 2. Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện 3. Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường bộ 4. Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường hàng không 5. Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt 6. Cơ sở dữ liệu tàu biển, thuyền viên lĩnh vực hàng hải 7. Cơ sở dữ liệu về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân và tổ chức 8. Cơ sở dữ liệu về Phát triển đô thị 9. Hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản 10. Cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng 11. Cơ sở dữ liệu về quy chuẩn tiêu chuẩn xây dựng 12. Cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ khoa học công nghệ và môi trường

		13. Cơ sở dữ liệu phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD) 14. Cơ sở dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức Bộ Xây dựng 15. Cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính 16. Cơ sở dữ liệu văn bản chỉ đạo điều hành 17. Cơ sở dữ liệu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng 18. Cơ sở dữ liệu quy hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng 19. Cơ sở dữ liệu về năng lực của tổ chức, cá nhân giám định tư pháp xây dựng
13	Bộ Y tế	1. Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội 2. Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội 3. Cơ sở dữ liệu lĩnh vực dự phòng, HIV, AIDS 4. Cơ sở dữ liệu môi trường cơ sở y tế 5. Cơ sở dữ liệu người khuyết tật 6. Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội 7. Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em 8. Cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm 9. Cơ sở dữ liệu về khám, chữa bệnh 10. Cơ sở dữ liệu về nhân lực y tế 11. Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia 12. Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản 13. Cơ sở dữ liệu hồ sơ bệnh án điện tử 14. Cơ sở dữ liệu mã định danh y tế cá nhân 15. Cơ sở dữ liệu mã dược phẩm & thiết bị y tế 16. Cơ sở dữ liệu giám sát dịch bệnh 17. Cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ sức khỏe & hỗ trợ sinh sản 18. Cơ sở dữ liệu quản lý khám chữa bệnh & hành nghề y tế 19. Cơ sở dữ liệu về dược và mỹ phẩm 20. Cơ sở dữ liệu quản lý thiết bị y tế 21. Cơ sở dữ liệu quản lý cơ sở khám chữa bệnh 22. Cơ sở dữ liệu báo cáo - thống kê dược & thiết bị y tế 23. Cơ sở dữ liệu giám định pháp y 24. Cơ sở dữ liệu thanh toán viện phí điện tử 25. Cơ sở dữ liệu nền tảng sở sức khỏe điện tử 26. Cơ sở dữ liệu kỹ thuật về quản lý An toàn thông tin y tế

14	Ngân hàng Nhà nước	1. Bảng số liệu Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước 2. Cơ sở dữ liệu Mã ngân hàng 3. Cơ sở dữ liệu Thông tin tín dụng 4. Kho dữ liệu Data warehouse
15	Toà án nhân dân tối cao	Hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ thụ lý, giải quyết các loại vụ, việc dùng chung của Tòa án nhân dân
16	Văn phòng Chính phủ	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Thủ tục hành chính